

Số: 28.08/2026/HEV-ĐT

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2026

V/v Công khai giá bán (tạm tính) căn
hộ chung cư thuộc Dự án Khu nhà ở
xã hội Túc Duyên tại phường Phan
Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên.

Kính gửi: - Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên;
- UBND phường Phan Đình Phùng.

Lời đầu tiên Công ty cổ phần Đầu tư Homever xin gửi tới Quý cơ quan lời chào
trân trọng!

Công ty cổ phần Đầu tư Homever được UBND tỉnh Thái Nguyên chấp thuận
nhà đầu tư thực hiện dự án Khu Nhà ở xã hội Túc Duyên tại phường Phan Đình
Phùng, tỉnh Thái Nguyên theo Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 06/01/2026.

Thực hiện quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 201/2025/QH15 thí điểm về một
số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội và Điều 13 Nghị định số
192/2025/NĐ-CP, Chủ đầu tư đã xác định giá bán và ký Hợp đồng số
2007/2026/HĐTV/HEV-VKTXD với Viện Kinh tế xây dựng (trực thuộc Bộ Xây
dựng) để thẩm tra phương án giá bán nhà ở xã hội thuộc Dự án. Ngày 25/08/2026,
Viện Kinh tế xây dựng đã có Báo cáo kết quả thẩm tra giá bán nhà ở xã hội dự án
Khu nhà ở xã hội Túc Duyên tại văn bản số 2191/VKT-BDS (Báo cáo thẩm tra đính
kèm). Trên cơ sở kết quả thẩm tra, ngày 25/08/2026, Công ty cổ phần Đầu tư
Homever đã phê duyệt giá bán tạm tính căn hộ chung cư nhà ở xã hội thuộc Dự án
(Quyết định phê duyệt đính kèm).

Theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 38 Nghị định số 100/2024/NĐ-CP
ngày 26/7/2024, được sửa đổi bởi Điều 34 Nghị định số 54/2026/NĐ-CP ngày
09/02/2026, Công ty cổ phần Đầu tư Homever xin cung cấp các thông tin về giá bán
(tạm tính) căn hộ chung cư nhà ở xã hội, tổng số căn hộ dự kiến bán, thời điểm dự
kiến tiếp nhận hồ sơ đăng ký mua nhà thuộc dự án dự án Khu nhà ở xã hội Túc Duyên
tại phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên để Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên
công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Quý Sở theo quy định, nội dung
cụ thể như sau:

I. Thông tin về dự án.

- Tên dự án: Khu nhà ở xã hội Túc Duyên (Tên thương mại: Home Central).
- Chủ đầu tư:

- Tên chủ đầu tư: Công ty Cổ phần đầu tư Homever.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109217522 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11/6/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 05/9/2023.
- Địa chỉ trụ sở: Tầng 5, Tháp B, Tòa nhà The Light, đường Tố Hữu, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội.

3. Vị trí dự án: Quỹ đất 20% nhà ở xã hội thuộc Dự án Khu tái định cư số 1, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên.

II. Tổng số căn hộ dự kiến bán:

Tổng số căn hộ chung cư nhà ở xã hội là 658 căn hộ, trong đó:

Sản phẩm loại 1: căn hộ diện tích 28,3 m², số lượng 42 căn.

Sản phẩm loại 2: căn hộ diện tích từ 58,5 – 65,0 m², số lượng 560 căn.

Sản phẩm loại 3: căn hộ diện tích 71,9 m², số lượng 56 căn.

III. Giá bán (tạm tính):

- Giá bán bình quân 1 m² sàn sử dụng căn hộ chung cư nhà ở xã hội thuộc dự án Khu nhà ở xã hội Túc Duyên (trước khi điều chỉnh hệ số vị trí K_i): **21.598.348** đồng/m², (*Bằng chữ: Hai mươi một triệu, năm trăm chín mươi tám nghìn, ba trăm bốn mươi tám đồng*).

- Giá bán cho 1 m² sàn sử dụng căn hộ chung cư nhà ở xã hội thuộc dự án Khu nhà ở xã hội Túc Duyên có giá từ **19.552.984** đồng/m² sàn căn hộ đến **23.987.741** đồng/m² sàn căn hộ sau khi điều chỉnh hệ số K_i, (Hệ số điều chỉnh giá bán K_i đối với căn hộ tại vị trí thứ i theo nguyên tắc bình quân gia quyền và bảo đảm bình quân gia quyền theo diện tích nhà ở của một khối nhà bằng 1).

- Giá bán đã bao gồm thuế GTGT, chưa bao gồm phí bảo trì.

- Giá bán nêu trên là tạm tính, trường hợp giá bán, giá thuê mua nhà ở xã hội theo kết quả kiểm toán, phê duyệt quyết toán cao hơn giá nêu trên thì chủ đầu tư không được thu thêm; trường hợp thấp hơn thì chủ đầu tư phải ký lại Hợp đồng hoặc điều chỉnh bổ sung Phụ lục Hợp đồng và phải hoàn trả lại phần chênh lệch cho người mua, thuê mua nhà ở.

IV. Thời điểm dự kiến bắt đầu nhận hồ sơ: Từ ngày 05/10/2026.

V. Hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội:

Theo hướng dẫn tại Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26/07/2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội, Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31/7/2024 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số

100/2024/NĐ-CP ngày 26/07/2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội; Thông tư số 32/2025/TT-BXD ngày 10/11/2025 của Bộ Xây dựng: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2024/TT-BXD; Thông tư số 08/2026/TT-BXD ngày 15/02/2026 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực nhà ở; Nghị định số 136/2026/NĐ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

VI. Địa chỉ nhận hồ sơ:

- Văn phòng Chủ đầu tư - Khu tái định cư số 1, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên.
- Email: contact@homever.vn
- Số điện thoại liên hệ: 096.103.1155

Trên đây là các thông tin công khai về các căn hộ chung cư nhà ở xã hội thuộc dự án Khu nhà ở xã hội Túc Duyên tại Phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên, Công ty cổ phần đầu tư Homever kính gửi tới Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên, UBND phường Phan Đình Phùng để công bố công khai tại Cổng Thông tin điện tử của Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên, UBND phường Phan Đình Phùng theo quy định.

(Kèm theo văn bản này Phụ lục chi tiết về giá bán, diện tích của 658 căn hộ thuộc dự án Khu nhà ở xã hội Túc Duyên).

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Ban QLDA.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HOMEVER



**TỔNG GIÁM ĐỐC
TRẦN HUY TƯỜNG**

DANH SÁCH GIÁ BÁN 658 CĂN HỘ CHUNG CƯ NHÀ Ở XÃ HỘI
(thuộc dự án Khu nhà ở xã hội Túc Duyên tại Phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên)
(Đính kèm Văn bản số **28.08**/2026/HEV-ĐT ngày **28** tháng **8** năm 2026)

STT	Tòa	Tầng	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Đơn giá bán (gồm VAT) (đồng/m ²)	Tổng GTCH (gồm VAT) (đồng)	Loại sản phẩm
TÒA CC1							
TẦNG 3							
1	CC1	3	CC1-3.01	62,8	20.773.291	1.304.562.674	Sản phẩm loại 2
2	CC1	3	CC1-3.02	62,8	20.583.626	1.292.651.712	Sản phẩm loại 2
3	CC1	3	CC1-3.03	62,8	20.773.291	1.304.562.674	Sản phẩm loại 2
4	CC1	3	CC1-3.04	62,8	20.851.232	1.309.457.369	Sản phẩm loại 2
5	CC1	3	CC1-3.05	28,3	20.609.001	583.234.728	Sản phẩm loại 1
6	CC1	3	CC1-3.06	58,5	20.462.462	1.197.054.027	Sản phẩm loại 2
7	CC1	3	CC1-3.07	64,4	21.871.103	1.408.499.033	Sản phẩm loại 2
8	CC1	3	CC1-3.08	64,4	21.949.044	1.413.518.433	Sản phẩm loại 2
9	CC1	3	CC1-3.09	62,8	20.773.291	1.304.562.674	Sản phẩm loại 2
10	CC1	3	CC1-3.10	65,0	20.138.487	1.309.001.655	Sản phẩm loại 2
11	CC1	3	CC1-3.11	62,8	20.773.291	1.304.562.674	Sản phẩm loại 2
12	CC1	3	CC1-3.12	62,8	20.851.232	1.309.457.369	Sản phẩm loại 2
13	CC1	3	CC1-3.15	58,5	20.384.521	1.192.494.478	Sản phẩm loại 2
14	CC1	3	CC1-3.16	71,9	22.553.798	1.621.618.076	Sản phẩm loại 3
15	CC1	3	CC1-3.17	64,4	21.871.103	1.408.499.033	Sản phẩm loại 2
TẦNG 4							
16	CC1	4	CC1-4.01	62,8	20.773.291	1.304.562.674	Sản phẩm loại 2
17	CC1	4	CC1-4.02	62,8	20.583.626	1.292.651.712	Sản phẩm loại 2
18	CC1	4	CC1-4.03	62,8	20.773.291	1.304.562.674	Sản phẩm loại 2
19	CC1	4	CC1-4.04	62,8	20.851.232	1.309.457.369	Sản phẩm loại 2
20	CC1	4	CC1-4.05	28,3	20.609.001	583.234.728	Sản phẩm loại 1
21	CC1	4	CC1-4.06	58,5	20.462.462	1.197.054.027	Sản phẩm loại 2
22	CC1	4	CC1-4.07	64,4	21.871.103	1.408.499.033	Sản phẩm loại 2
23	CC1	4	CC1-4.08	64,4	21.949.044	1.413.518.433	Sản phẩm loại 2
24	CC1	4	CC1-4.09	62,8	20.773.291	1.304.562.674	Sản phẩm loại 2
25	CC1	4	CC1-4.10	65,0	20.138.487	1.309.001.655	Sản phẩm loại 2
26	CC1	4	CC1-4.11	62,8	20.773.291	1.304.562.674	Sản phẩm loại 2
27	CC1	4	CC1-4.12	62,8	20.851.232	1.309.457.369	Sản phẩm loại 2
28	CC1	4	CC1-4.15	58,5	20.384.521	1.192.494.478	Sản phẩm loại 2
29	CC1	4	CC1-4.16	71,9	22.553.798	1.621.618.076	Sản phẩm loại 3
30	CC1	4	CC1-4.17	64,4	21.871.103	1.408.499.033	Sản phẩm loại 2
TẦNG 5							
31	CC1	5	CC1-5.01	62,8	20.989.275	1.318.126.470	Sản phẩm loại 2
32	CC1	5	CC1-5.02	62,8	20.799.609	1.306.215.445	Sản phẩm loại 2
33	CC1	5	CC1-5.03	62,8	20.989.275	1.318.126.470	Sản phẩm loại 2
34	CC1	5	CC1-5.04	62,8	21.067.216	1.323.021.164	Sản phẩm loại 2
35	CC1	5	CC1-5.05	28,3	20.824.985	589.347.075	Sản phẩm loại 1
36	CC1	5	CC1-5.06	58,5	20.678.445	1.209.689.032	Sản phẩm loại 2
37	CC1	5	CC1-5.07	64,4	22.087.086	1.422.408.338	Sản phẩm loại 2

STT	Tòa	Tầng	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Đơn giá bán (gồm VAT) (đồng/m ²)	Tổng GTCH (gồm VAT) (đồng)	Loại sản phẩm
38	CC1	5	CC1-5.08	64,4	22.165.027	1.427.427.738	Sản phẩm loại 2
39	CC1	5	CC1-5.09	62,8	20.989.275	1.318.126.470	Sản phẩm loại 2
40	CC1	5	CC1-5.10	65,0	20.354.470	1.323.040.550	Sản phẩm loại 2
41	CC1	5	CC1-5.11	62,8	20.989.275	1.318.126.470	Sản phẩm loại 2
42	CC1	5	CC1-5.12	62,8	21.067.216	1.323.021.164	Sản phẩm loại 2
43	CC1	5	CC1-5.15	58,5	20.600.504	1.205.129.484	Sản phẩm loại 2
44	CC1	5	CC1-5.16	71,9	22.769.781	1.637.147.253	Sản phẩm loại 3
45	CC1	5	CC1-5.17	64,4	22.087.086	1.422.408.338	Sản phẩm loại 2
TẦNG 6							
46	CC1	6	CC1-6.01	62,8	21.205.258	1.331.690.202	Sản phẩm loại 2
47	CC1	6	CC1-6.02	62,8	21.015.593	1.319.779.240	Sản phẩm loại 2
48	CC1	6	CC1-6.03	62,8	21.205.258	1.331.690.202	Sản phẩm loại 2
49	CC1	6	CC1-6.04	62,8	21.283.199	1.336.584.897	Sản phẩm loại 2
50	CC1	6	CC1-6.05	28,3	21.040.968	595.459.394	Sản phẩm loại 1
51	CC1	6	CC1-6.06	58,5	20.894.429	1.222.324.096	Sản phẩm loại 2
52	CC1	6	CC1-6.07	64,4	22.303.070	1.436.317.708	Sản phẩm loại 2
53	CC1	6	CC1-6.08	64,4	22.381.011	1.441.337.108	Sản phẩm loại 2
54	CC1	6	CC1-6.09	62,8	21.205.258	1.331.690.202	Sản phẩm loại 2
55	CC1	6	CC1-6.10	65,0	20.570.454	1.337.079.510	Sản phẩm loại 2
56	CC1	6	CC1-6.11	62,8	21.205.258	1.331.690.202	Sản phẩm loại 2
57	CC1	6	CC1-6.12	62,8	21.283.199	1.336.584.897	Sản phẩm loại 2
58	CC1	6	CC1-6.15	58,5	20.816.488	1.217.764.548	Sản phẩm loại 2
59	CC1	6	CC1-6.16	71,9	22.985.764	1.652.676.431	Sản phẩm loại 3
60	CC1	6	CC1-6.17	64,4	22.303.070	1.436.317.708	Sản phẩm loại 2
TẦNG 7							
61	CC1	7	CC1-7.01	62,8	21.097.266	1.324.908.304	Sản phẩm loại 2
62	CC1	7	CC1-7.02	62,8	20.907.601	1.312.997.342	Sản phẩm loại 2
63	CC1	7	CC1-7.03	62,8	21.097.266	1.324.908.304	Sản phẩm loại 2
64	CC1	7	CC1-7.04	62,8	21.175.207	1.329.802.999	Sản phẩm loại 2
65	CC1	7	CC1-7.05	28,3	20.932.976	592.403.220	Sản phẩm loại 1
66	CC1	7	CC1-7.06	58,5	20.786.437	1.216.006.564	Sản phẩm loại 2
67	CC1	7	CC1-7.07	64,4	22.195.078	1.429.363.023	Sản phẩm loại 2
68	CC1	7	CC1-7.08	64,4	22.273.019	1.434.382.423	Sản phẩm loại 2
69	CC1	7	CC1-7.09	62,8	21.097.266	1.324.908.304	Sản phẩm loại 2
70	CC1	7	CC1-7.10	65,0	20.462.462	1.330.060.030	Sản phẩm loại 2
71	CC1	7	CC1-7.11	62,8	21.097.266	1.324.908.304	Sản phẩm loại 2
72	CC1	7	CC1-7.12	62,8	21.175.207	1.329.802.999	Sản phẩm loại 2
73	CC1	7	CC1-7.15	58,5	20.708.496	1.211.447.016	Sản phẩm loại 2
74	CC1	7	CC1-7.16	71,9	22.877.773	1.644.911.878	Sản phẩm loại 3
75	CC1	7	CC1-7.17	64,4	22.195.078	1.429.363.023	Sản phẩm loại 2
TẦNG 8							
76	CC1	8	CC1-8.01	62,8	21.594.028	1.356.104.958	Sản phẩm loại 2
77	CC1	8	CC1-8.02	62,8	21.404.363	1.344.193.996	Sản phẩm loại 2
78	CC1	8	CC1-8.03	62,8	21.594.028	1.356.104.958	Sản phẩm loại 2
79	CC1	8	CC1-8.04	62,8	21.671.969	1.360.999.653	Sản phẩm loại 2

STT	Tòa	Tầng	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Đơn giá bán (gồm VAT) (đồng/m ²)	Tổng GTCH (gồm VAT) (đồng)	Loại sản phẩm
80	CC1	8	CC1-8.05	28,3	21.429.738	606.461.585	Sản phẩm loại 1
81	CC1	8	CC1-8.06	58,5	21.283.199	1.245.067.141	Sản phẩm loại 2
82	CC1	8	CC1-8.07	64,4	22.691.840	1.461.354.496	Sản phẩm loại 2
83	CC1	8	CC1-8.08	64,4	22.769.781	1.466.373.896	Sản phẩm loại 2
84	CC1	8	CC1-8.09	62,8	21.594.028	1.356.104.958	Sản phẩm loại 2
85	CC1	8	CC1-8.10	65,0	20.959.224	1.362.349.560	Sản phẩm loại 2
86	CC1	8	CC1-8.11	62,8	21.594.028	1.356.104.958	Sản phẩm loại 2
87	CC1	8	CC1-8.12	62,8	21.671.969	1.360.999.653	Sản phẩm loại 2
88	CC1	8	CC1-8.15	58,5	21.205.258	1.240.507.593	Sản phẩm loại 2
89	CC1	8	CC1-8.16	71,9	23.374.535	1.680.629.066	Sản phẩm loại 3
90	CC1	8	CC1-8.17	64,4	22.691.840	1.461.354.496	Sản phẩm loại 2
TẦNG 9							
91	CC1	9	CC1-9.01	62,8	21.594.028	1.356.104.958	Sản phẩm loại 2
92	CC1	9	CC1-9.02	62,8	21.404.363	1.344.193.996	Sản phẩm loại 2
93	CC1	9	CC1-9.03	62,8	21.594.028	1.356.104.958	Sản phẩm loại 2
94	CC1	9	CC1-9.04	62,8	21.671.969	1.360.999.653	Sản phẩm loại 2
95	CC1	9	CC1-9.05	28,3	21.429.738	606.461.585	Sản phẩm loại 1
96	CC1	9	CC1-9.06	58,5	21.283.199	1.245.067.141	Sản phẩm loại 2
97	CC1	9	CC1-9.07	64,4	22.691.840	1.461.354.496	Sản phẩm loại 2
98	CC1	9	CC1-9.08	64,4	22.769.781	1.466.373.896	Sản phẩm loại 2
99	CC1	9	CC1-9.09	62,8	21.594.028	1.356.104.958	Sản phẩm loại 2
100	CC1	9	CC1-9.10	65,0	20.959.224	1.362.349.560	Sản phẩm loại 2
101	CC1	9	CC1-9.11	62,8	21.594.028	1.356.104.958	Sản phẩm loại 2
102	CC1	9	CC1-9.12	62,8	21.671.969	1.360.999.653	Sản phẩm loại 2
103	CC1	9	CC1-9.15	58,5	21.205.258	1.240.507.593	Sản phẩm loại 2
104	CC1	9	CC1-9.16	71,9	23.374.535	1.680.629.066	Sản phẩm loại 3
105	CC1	9	CC1-9.17	64,4	22.691.840	1.461.354.496	Sản phẩm loại 2
TẦNG 10							
106	CC1	10	CC1-10.01	62,8	21.594.028	1.356.104.958	Sản phẩm loại 2
107	CC1	10	CC1-10.02	62,8	21.404.363	1.344.193.996	Sản phẩm loại 2
108	CC1	10	CC1-10.03	62,8	21.594.028	1.356.104.958	Sản phẩm loại 2
109	CC1	10	CC1-10.04	62,8	21.671.969	1.360.999.653	Sản phẩm loại 2
110	CC1	10	CC1-10.05	28,3	21.429.738	606.461.585	Sản phẩm loại 1
111	CC1	10	CC1-10.06	58,5	21.283.199	1.245.067.141	Sản phẩm loại 2
112	CC1	10	CC1-10.07	64,4	22.691.840	1.461.354.496	Sản phẩm loại 2
113	CC1	10	CC1-10.08	64,4	22.769.781	1.466.373.896	Sản phẩm loại 2
114	CC1	10	CC1-10.09	62,8	21.594.028	1.356.104.958	Sản phẩm loại 2
115	CC1	10	CC1-10.10	65,0	20.959.224	1.362.349.560	Sản phẩm loại 2
116	CC1	10	CC1-10.11	62,8	21.594.028	1.356.104.958	Sản phẩm loại 2
117	CC1	10	CC1-10.12	62,8	21.671.969	1.360.999.653	Sản phẩm loại 2
118	CC1	10	CC1-10.15	58,5	21.205.258	1.240.507.593	Sản phẩm loại 2
119	CC1	10	CC1-10.16	71,9	23.374.535	1.680.629.066	Sản phẩm loại 3
120	CC1	10	CC1-10.17	64,4	22.691.840	1.461.354.496	Sản phẩm loại 2
TẦNG 11							
121	CC1	11	CC1-11.01	62,8	21.594.028	1.356.104.958	Sản phẩm loại 2

STT	Tòa	Tầng	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Đơn giá bán (gồm VAT) (đồng/m ²)	Tổng GTCH (gồm VAT) (đồng)	Loại sản phẩm
122	CC1	11	CC1-11.02	62,8	21.404.363	1.344.193.996	Sản phẩm loại 2
123	CC1	11	CC1-11.03	62,8	21.594.028	1.356.104.958	Sản phẩm loại 2
124	CC1	11	CC1-11.04	62,8	21.671.969	1.360.999.653	Sản phẩm loại 2
125	CC1	11	CC1-11.05	28,3	21.429.738	606.461.585	Sản phẩm loại 1
126	CC1	11	CC1-11.06	58,5	21.283.199	1.245.067.141	Sản phẩm loại 2
127	CC1	11	CC1-11.07	64,4	22.691.840	1.461.354.496	Sản phẩm loại 2
128	CC1	11	CC1-11.08	64,4	22.769.781	1.466.373.896	Sản phẩm loại 2
129	CC1	11	CC1-11.09	62,8	21.594.028	1.356.104.958	Sản phẩm loại 2
130	CC1	11	CC1-11.10	65,0	20.959.224	1.362.349.560	Sản phẩm loại 2
131	CC1	11	CC1-11.11	62,8	21.594.028	1.356.104.958	Sản phẩm loại 2
132	CC1	11	CC1-11.12	62,8	21.671.969	1.360.999.653	Sản phẩm loại 2
133	CC1	11	CC1-11.15	58,5	21.205.258	1.240.507.593	Sản phẩm loại 2
134	CC1	11	CC1-11.16	71,9	23.374.535	1.680.629.066	Sản phẩm loại 3
135	CC1	11	CC1-11.17	64,4	22.691.840	1.461.354.496	Sản phẩm loại 2
TẦNG 12							
136	CC1	12	CC1-12.01	62,8	21.594.028	1.356.104.958	Sản phẩm loại 2
137	CC1	12	CC1-12.02	62,8	21.404.363	1.344.193.996	Sản phẩm loại 2
138	CC1	12	CC1-12.03	62,8	21.594.028	1.356.104.958	Sản phẩm loại 2
139	CC1	12	CC1-12.04	62,8	21.671.969	1.360.999.653	Sản phẩm loại 2
140	CC1	12	CC1-12.05	28,3	21.429.738	606.461.585	Sản phẩm loại 1
141	CC1	12	CC1-12.06	58,5	21.283.199	1.245.067.141	Sản phẩm loại 2
142	CC1	12	CC1-12.07	64,4	22.691.840	1.461.354.496	Sản phẩm loại 2
143	CC1	12	CC1-12.08	64,4	22.769.781	1.466.373.896	Sản phẩm loại 2
144	CC1	12	CC1-12.09	62,8	21.594.028	1.356.104.958	Sản phẩm loại 2
145	CC1	12	CC1-12.10	65,0	20.959.224	1.362.349.560	Sản phẩm loại 2
146	CC1	12	CC1-12.11	62,8	21.594.028	1.356.104.958	Sản phẩm loại 2
147	CC1	12	CC1-12.12	62,8	21.671.969	1.360.999.653	Sản phẩm loại 2
148	CC1	12	CC1-12.15	58,5	21.205.258	1.240.507.593	Sản phẩm loại 2
149	CC1	12	CC1-12.16	71,9	23.374.535	1.680.629.066	Sản phẩm loại 3
150	CC1	12	CC1-12.17	64,4	22.691.840	1.461.354.496	Sản phẩm loại 2
TẦNG 12A							
151	CC1	12A	CC1-12A.01	62,8	20.719.295	1.301.171.726	Sản phẩm loại 2
152	CC1	12A	CC1-12A.02	62,8	20.529.630	1.289.260.764	Sản phẩm loại 2
153	CC1	12A	CC1-12A.03	62,8	20.719.295	1.301.171.726	Sản phẩm loại 2
154	CC1	12A	CC1-12A.04	62,8	20.797.236	1.306.066.420	Sản phẩm loại 2
155	CC1	12A	CC1-12A.05	28,3	20.555.005	581.706.641	Sản phẩm loại 1
156	CC1	12A	CC1-12A.06	58,5	20.408.466	1.193.895.261	Sản phẩm loại 2
157	CC1	12A	CC1-12A.07	64,4	21.817.107	1.405.021.690	Sản phẩm loại 2
158	CC1	12A	CC1-12A.08	64,4	21.895.048	1.410.041.091	Sản phẩm loại 2
159	CC1	12A	CC1-12A.09	62,8	20.719.295	1.301.171.726	Sản phẩm loại 2
160	CC1	12A	CC1-12A.10	65,0	20.084.491	1.305.491.915	Sản phẩm loại 2
161	CC1	12A	CC1-12A.11	62,8	20.719.295	1.301.171.726	Sản phẩm loại 2
162	CC1	12A	CC1-12A.12	62,8	20.797.236	1.306.066.420	Sản phẩm loại 2
163	CC1	12A	CC1-12A.15	58,5	20.330.525	1.189.335.712	Sản phẩm loại 2
164	CC1	12A	CC1-12A.16	71,9	22.499.802	1.617.735.763	Sản phẩm loại 3

STT	Tòa	Tầng	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Đơn giá bán (gồm VAT) (đồng/m ²)	Tổng GTCH (gồm VAT) (đồng)	Loại sản phẩm
165	CC1	12A	CC1-12A.17	64,4	21.817.107	1.405.021.690	Sản phẩm loại 2
TẦNG 12B							
166	CC1	12B	CC1-12B.01	62,8	20.719.295	1.301.171.726	Sản phẩm loại 2
167	CC1	12B	CC1-12B.02	62,8	20.529.630	1.289.260.764	Sản phẩm loại 2
168	CC1	12B	CC1-12B.03	62,8	20.719.295	1.301.171.726	Sản phẩm loại 2
169	CC1	12B	CC1-12B.04	62,8	20.797.236	1.306.066.420	Sản phẩm loại 2
170	CC1	12B	CC1-12B.05	28,3	20.555.005	581.706.641	Sản phẩm loại 1
171	CC1	12B	CC1-12B.06	58,5	20.408.466	1.193.895.261	Sản phẩm loại 2
172	CC1	12B	CC1-12B.07	64,4	21.817.107	1.405.021.690	Sản phẩm loại 2
173	CC1	12B	CC1-12B.08	64,4	21.895.048	1.410.041.091	Sản phẩm loại 2
174	CC1	12B	CC1-12B.09	62,8	20.719.295	1.301.171.726	Sản phẩm loại 2
175	CC1	12B	CC1-12B.10	65,0	20.084.491	1.305.491.915	Sản phẩm loại 2
176	CC1	12B	CC1-12B.11	62,8	20.719.295	1.301.171.726	Sản phẩm loại 2
177	CC1	12B	CC1-12B.12	62,8	20.797.236	1.306.066.420	Sản phẩm loại 2
178	CC1	12B	CC1-12B.15	58,5	20.330.525	1.189.335.712	Sản phẩm loại 2
179	CC1	12B	CC1-12B.16	71,9	22.499.802	1.617.735.763	Sản phẩm loại 3
180	CC1	12B	CC1-12B.17	64,4	21.817.107	1.405.021.690	Sản phẩm loại 2
TẦNG 15							
181	CC1	15	CC1-15.01	62,8	21.421.242	1.345.253.997	Sản phẩm loại 2
182	CC1	15	CC1-15.02	62,8	21.231.576	1.333.342.972	Sản phẩm loại 2
183	CC1	15	CC1-15.03	62,8	21.421.242	1.345.253.997	Sản phẩm loại 2
184	CC1	15	CC1-15.04	62,8	21.499.183	1.350.148.692	Sản phẩm loại 2
185	CC1	15	CC1-15.05	28,3	21.256.952	601.571.741	Sản phẩm loại 1
186	CC1	15	CC1-15.06	58,5	21.110.412	1.234.959.102	Sản phẩm loại 2
187	CC1	15	CC1-15.07	64,4	22.519.053	1.450.227.013	Sản phẩm loại 2
188	CC1	15	CC1-15.08	64,4	22.596.994	1.455.246.413	Sản phẩm loại 2
189	CC1	15	CC1-15.09	62,8	21.421.242	1.345.253.997	Sản phẩm loại 2
190	CC1	15	CC1-15.10	65,0	20.786.437	1.351.118.405	Sản phẩm loại 2
191	CC1	15	CC1-11.11	62,8	21.421.242	1.345.253.997	Sản phẩm loại 2
192	CC1	15	CC1-15.12	62,8	21.499.183	1.350.148.692	Sản phẩm loại 2
193	CC1	15	CC1-15.15	58,5	21.032.471	1.230.399.553	Sản phẩm loại 2
194	CC1	15	CC1-15.16	71,9	23.201.748	1.668.205.681	Sản phẩm loại 3
195	CC1	15	CC1-15.17	64,4	22.519.053	1.450.227.013	Sản phẩm loại 2
TẦNG 16							
196	CC1	16	CC1-16.01	62,8	21.205.258	1.331.690.202	Sản phẩm loại 2
197	CC1	16	CC1-16.02	62,8	21.015.593	1.319.779.240	Sản phẩm loại 2
198	CC1	16	CC1-16.03	62,8	21.205.258	1.331.690.202	Sản phẩm loại 2
199	CC1	16	CC1-16.04	62,8	21.283.199	1.336.584.897	Sản phẩm loại 2
200	CC1	16	CC1-16.05	28,3	21.040.968	595.459.394	Sản phẩm loại 1
201	CC1	16	CC1-16.06	58,5	20.894.429	1.222.324.096	Sản phẩm loại 2
202	CC1	16	CC1-16.07	64,4	22.303.070	1.436.317.708	Sản phẩm loại 2
203	CC1	16	CC1-16.08	64,4	22.381.011	1.441.337.108	Sản phẩm loại 2
204	CC1	16	CC1-16.09	62,8	21.205.258	1.331.690.202	Sản phẩm loại 2
205	CC1	16	CC1-16.10	65,0	20.570.454	1.337.079.510	Sản phẩm loại 2
206	CC1	16	CC1-16.11	62,8	21.205.258	1.331.690.202	Sản phẩm loại 2

STT	Tòa	Tầng	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Đơn giá bán (gồm VAT) (đồng/m ²)	Tổng GTCH (gồm VAT) (đồng)	Loại sản phẩm
207	CC1	16	CC1-16.12	62,8	21.283.199	1.336.584.897	Sản phẩm loại 2
208	CC1	16	CC1-16.15	58,5	20.816.488	1.217.764.548	Sản phẩm loại 2
209	CC1	16	CC1-16.16	71,9	22.985.764	1.652.676.431	Sản phẩm loại 3
210	CC1	16	CC1-16.17	64,4	22.303.070	1.436.317.708	Sản phẩm loại 2
TÒA CC2							
TẦNG 3							
211	CC2	3	CC2-3.01	62,8	20.639.000	1.296.129.200	Sản phẩm loại 2
212	CC2	3	CC2-3.02	65,0	20.384.521	1.324.993.865	Sản phẩm loại 2
213	CC2	3	CC2-3.03	62,8	20.639.000	1.296.129.200	Sản phẩm loại 2
214	CC2	3	CC2-3.04	62,8	21.097.266	1.324.908.304	Sản phẩm loại 2
215	CC2	3	CC2-3.05	58,5	20.250.230	1.184.638.455	Sản phẩm loại 2
216	CC2	3	CC2-3.06	71,9	22.799.832	1.639.307.920	Sản phẩm loại 3
217	CC2	3	CC2-3.07	64,4	21.736.812	1.399.850.692	Sản phẩm loại 2
218	CC2	3	CC2-3.08	62,8	20.829.660	1.308.102.648	Sản phẩm loại 2
219	CC2	3	CC2-3.09	62,8	20.639.000	1.296.129.200	Sản phẩm loại 2
220	CC2	3	CC2-3.10	62,8	21.097.266	1.324.908.304	Sản phẩm loại 2
221	CC2	3	CC2-3.11	62,8	20.639.000	1.296.129.200	Sản phẩm loại 2
222	CC2	3	CC2-3.12	58,5	20.708.496	1.211.447.016	Sản phẩm loại 2
223	CC2	3	CC2-3.15	28,3	20.474.710	579.434.293	Sản phẩm loại 1
224	CC2	3	CC2-3.16	64,4	22.195.078	1.429.363.023	Sản phẩm loại 2
225	CC2	3	CC2-3.17	64,4	21.736.812	1.399.850.692	Sản phẩm loại 2
TẦNG 4							
226	CC2	4	CC2-4.01	62,8	20.639.000	1.296.129.200	Sản phẩm loại 2
227	CC2	4	CC2-4.02	65,0	20.384.521	1.324.993.865	Sản phẩm loại 2
228	CC2	4	CC2-4.03	62,8	20.639.000	1.296.129.200	Sản phẩm loại 2
229	CC2	4	CC2-4.04	62,8	21.097.266	1.324.908.304	Sản phẩm loại 2
230	CC2	4	CC2-4.05	58,5	20.250.230	1.184.638.455	Sản phẩm loại 2
231	CC2	4	CC2-4.06	71,9	22.799.832	1.639.307.920	Sản phẩm loại 3
232	CC2	4	CC2-4.07	64,4	21.736.812	1.399.850.692	Sản phẩm loại 2
233	CC2	4	CC2-4.08	62,8	20.829.660	1.308.102.648	Sản phẩm loại 2
234	CC2	4	CC2-4.09	62,8	20.639.000	1.296.129.200	Sản phẩm loại 2
235	CC2	4	CC2-4.10	62,8	21.097.266	1.324.908.304	Sản phẩm loại 2
236	CC2	4	CC2-4.11	62,8	20.639.000	1.296.129.200	Sản phẩm loại 2
237	CC2	4	CC2-4.12	58,5	20.708.496	1.211.447.016	Sản phẩm loại 2
238	CC2	4	CC2-4.15	28,3	20.474.710	579.434.293	Sản phẩm loại 1
239	CC2	4	CC2-4.16	64,4	22.195.078	1.429.363.023	Sản phẩm loại 2
240	CC2	4	CC2-4.17	64,4	21.736.812	1.399.850.692	Sản phẩm loại 2
TẦNG 5							
241	CC2	5	CC2-5.01	62,8	20.854.984	1.309.692.995	Sản phẩm loại 2
242	CC2	5	CC2-5.02	65,0	20.600.504	1.339.032.760	Sản phẩm loại 2
243	CC2	5	CC2-5.03	62,8	20.854.984	1.309.692.995	Sản phẩm loại 2
244	CC2	5	CC2-5.04	62,8	21.313.250	1.338.472.100	Sản phẩm loại 2
245	CC2	5	CC2-5.05	58,5	20.466.213	1.197.273.460	Sản phẩm loại 2
246	CC2	5	CC2-5.06	71,9	23.015.815	1.654.837.098	Sản phẩm loại 3
247	CC2	5	CC2-5.07	64,4	21.952.795	1.413.759.998	Sản phẩm loại 2

STT	Tòa	Tầng	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Đơn giá bán (gồm VAT) (đồng/m ²)	Tổng GTCH (gồm VAT) (đồng)	Loại sản phẩm
248	CC2	5	CC2-5.08	62,8	21.045.644	1.321.666.443	Sản phẩm loại 2
249	CC2	5	CC2-5.09	62,8	20.854.984	1.309.692.995	Sản phẩm loại 2
250	CC2	5	CC2-5.10	62,8	21.313.250	1.338.472.100	Sản phẩm loại 2
251	CC2	5	CC2-5.11	62,8	20.854.984	1.309.692.995	Sản phẩm loại 2
252	CC2	5	CC2-5.12	58,5	20.924.480	1.224.082.080	Sản phẩm loại 2
253	CC2	5	CC2-5.15	28,3	20.690.694	585.546.640	Sản phẩm loại 1
254	CC2	5	CC2-5.16	64,4	22.411.061	1.443.272.328	Sản phẩm loại 2
255	CC2	5	CC2-5.17	64,4	21.952.795	1.413.759.998	Sản phẩm loại 2
TẦNG 6							
256	CC2	6	CC2-6.01	62,8	21.070.967	1.323.256.727	Sản phẩm loại 2
257	CC2	6	CC2-6.02	65,0	20.816.488	1.353.071.720	Sản phẩm loại 2
258	CC2	6	CC2-6.03	62,8	21.070.967	1.323.256.727	Sản phẩm loại 2
259	CC2	6	CC2-6.04	62,8	21.529.233	1.352.035.832	Sản phẩm loại 2
260	CC2	6	CC2-6.05	58,5	20.682.197	1.209.908.524	Sản phẩm loại 2
261	CC2	6	CC2-6.06	71,9	23.231.799	1.670.366.348	Sản phẩm loại 3
262	CC2	6	CC2-6.07	64,4	22.168.779	1.427.669.367	Sản phẩm loại 2
263	CC2	6	CC2-6.08	62,8	21.261.627	1.335.230.175	Sản phẩm loại 2
264	CC2	6	CC2-6.09	62,8	21.070.967	1.323.256.727	Sản phẩm loại 2
265	CC2	6	CC2-6.10	62,8	21.529.233	1.352.035.832	Sản phẩm loại 2
266	CC2	6	CC2-6.11	62,8	21.070.967	1.323.256.727	Sản phẩm loại 2
267	CC2	6	CC2-6.12	58,5	21.140.463	1.236.717.085	Sản phẩm loại 2
268	CC2	6	CC2-6.15	28,3	20.906.677	591.658.959	Sản phẩm loại 1
269	CC2	6	CC2-6.16	64,4	22.627.045	1.457.181.698	Sản phẩm loại 2
270	CC2	6	CC2-6.17	64,4	22.168.779	1.427.669.367	Sản phẩm loại 2
TẦNG 7							
271	CC2	7	CC2-7.01	62,8	20.962.975	1.316.474.830	Sản phẩm loại 2
272	CC2	7	CC2-7.02	65,0	20.708.496	1.346.052.240	Sản phẩm loại 2
273	CC2	7	CC2-7.03	62,8	20.962.975	1.316.474.830	Sản phẩm loại 2
274	CC2	7	CC2-7.04	62,8	21.421.242	1.345.253.997	Sản phẩm loại 2
275	CC2	7	CC2-7.05	58,5	20.574.205	1.203.590.992	Sản phẩm loại 2
276	CC2	7	CC2-7.06	71,9	23.123.807	1.662.601.723	Sản phẩm loại 3
277	CC2	7	CC2-7.07	64,4	22.060.787	1.420.714.682	Sản phẩm loại 2
278	CC2	7	CC2-7.08	62,8	21.153.635	1.328.448.278	Sản phẩm loại 2
279	CC2	7	CC2-7.09	62,8	20.962.975	1.316.474.830	Sản phẩm loại 2
280	CC2	7	CC2-7.10	62,8	21.421.242	1.345.253.997	Sản phẩm loại 2
281	CC2	7	CC2-7.11	62,8	20.962.975	1.316.474.830	Sản phẩm loại 2
282	CC2	7	CC2-7.12	58,5	21.032.471	1.230.399.553	Sản phẩm loại 2
283	CC2	7	CC2-7.15	28,3	20.798.685	588.602.785	Sản phẩm loại 1
284	CC2	7	CC2-7.16	64,4	22.519.053	1.450.227.013	Sản phẩm loại 2
285	CC2	7	CC2-7.17	64,4	22.060.787	1.420.714.682	Sản phẩm loại 2
TẦNG 8							
286	CC2	8	CC2-8.01	62,8	21.459.737	1.347.671.483	Sản phẩm loại 2
287	CC2	8	CC2-8.02	65,0	21.205.258	1.378.341.770	Sản phẩm loại 2
288	CC2	8	CC2-8.03	62,8	21.459.737	1.347.671.483	Sản phẩm loại 2
289	CC2	8	CC2-8.04	62,8	21.918.004	1.376.450.651	Sản phẩm loại 2

STT	Tòa	Tầng	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Đơn giá bán (gồm VAT) (đồng/m ²)	Tổng GTCH (gồm VAT) (đồng)	Loại sản phẩm
290	CC2	8	CC2-8.05	58,5	21.070.967	1.232.651.569	Sản phẩm loại 2
291	CC2	8	CC2-8.06	71,9	23.620.569	1.698.318.911	Sản phẩm loại 3
292	CC2	8	CC2-8.07	64,4	22.557.549	1.452.706.155	Sản phẩm loại 2
293	CC2	8	CC2-8.08	62,8	21.650.397	1.359.644.931	Sản phẩm loại 2
294	CC2	8	CC2-8.09	62,8	21.459.737	1.347.671.483	Sản phẩm loại 2
295	CC2	8	CC2-8.10	62,8	21.918.004	1.376.450.651	Sản phẩm loại 2
296	CC2	8	CC2-8.11	62,8	21.459.737	1.347.671.483	Sản phẩm loại 2
297	CC2	8	CC2-8.12	58,5	21.529.233	1.259.460.130	Sản phẩm loại 2
298	CC2	8	CC2-8.15	28,3	21.295.447	602.661.150	Sản phẩm loại 1
299	CC2	8	CC2-8.16	64,4	23.015.815	1.482.218.486	Sản phẩm loại 2
300	CC2	8	CC2-8.17	64,4	22.557.549	1.452.706.155	Sản phẩm loại 2
TẦNG 9							
301	CC2	9	CC2-9.01	62,8	21.459.737	1.347.671.483	Sản phẩm loại 2
302	CC2	9	CC2-9.02	65,0	21.205.258	1.378.341.770	Sản phẩm loại 2
303	CC2	9	CC2-9.03	62,8	21.459.737	1.347.671.483	Sản phẩm loại 2
304	CC2	9	CC2-9.04	62,8	21.918.004	1.376.450.651	Sản phẩm loại 2
305	CC2	9	CC2-9.05	58,5	21.070.967	1.232.651.569	Sản phẩm loại 2
306	CC2	9	CC2-9.06	71,9	23.620.569	1.698.318.911	Sản phẩm loại 3
307	CC2	9	CC2-9.07	64,4	22.557.549	1.452.706.155	Sản phẩm loại 2
308	CC2	9	CC2-9.08	62,8	21.650.397	1.359.644.931	Sản phẩm loại 2
309	CC2	9	CC2-9.09	62,8	21.459.737	1.347.671.483	Sản phẩm loại 2
310	CC2	9	CC2-9.10	62,8	21.918.004	1.376.450.651	Sản phẩm loại 2
311	CC2	9	CC2-9.11	62,8	21.459.737	1.347.671.483	Sản phẩm loại 2
312	CC2	9	CC2-9.12	58,5	21.529.233	1.259.460.130	Sản phẩm loại 2
313	CC2	9	CC2-9.15	28,3	21.295.447	602.661.150	Sản phẩm loại 1
314	CC2	9	CC2-9.16	64,4	23.015.815	1.482.218.486	Sản phẩm loại 2
315	CC2	9	CC2-9.17	64,4	22.557.549	1.452.706.155	Sản phẩm loại 2
TẦNG 10							
316	CC2	10	CC2-10.01	62,8	21.459.737	1.347.671.483	Sản phẩm loại 2
317	CC2	10	CC2-10.02	65,0	21.205.258	1.378.341.770	Sản phẩm loại 2
318	CC2	10	CC2-10.03	62,8	21.459.737	1.347.671.483	Sản phẩm loại 2
319	CC2	10	CC2-10.04	62,8	21.918.004	1.376.450.651	Sản phẩm loại 2
320	CC2	10	CC2-10.05	58,5	21.070.967	1.232.651.569	Sản phẩm loại 2
321	CC2	10	CC2-10.06	71,9	23.620.569	1.698.318.911	Sản phẩm loại 3
322	CC2	10	CC2-10.07	64,4	22.557.549	1.452.706.155	Sản phẩm loại 2
323	CC2	10	CC2-10.08	62,8	21.650.397	1.359.644.931	Sản phẩm loại 2
324	CC2	10	CC2-10.09	62,8	21.459.737	1.347.671.483	Sản phẩm loại 2
325	CC2	10	CC2-10.10	62,8	21.918.004	1.376.450.651	Sản phẩm loại 2
326	CC2	10	CC2-10.11	62,8	21.459.737	1.347.671.483	Sản phẩm loại 2
327	CC2	10	CC2-10.12	58,5	21.529.233	1.259.460.130	Sản phẩm loại 2
328	CC2	10	CC2-10.15	28,3	21.295.447	602.661.150	Sản phẩm loại 1
329	CC2	10	CC2-10.16	64,4	23.015.815	1.482.218.486	Sản phẩm loại 2
330	CC2	10	CC2-10.17	64,4	22.557.549	1.452.706.155	Sản phẩm loại 2
TẦNG 11							
331	CC2	11	CC2-11.01	62,8	21.459.737	1.347.671.483	Sản phẩm loại 2

STT	Tòa	Tầng	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Đơn giá bán (gồm VAT) (đồng/m ²)	Tổng GTCH (gồm VAT) (đồng)	Loại sản phẩm
332	CC2	11	CC2-11.02	65,0	21.205.258	1.378.341.770	Sản phẩm loại 2
333	CC2	11	CC2-11.03	62,8	21.459.737	1.347.671.483	Sản phẩm loại 2
334	CC2	11	CC2-11.04	62,8	21.918.004	1.376.450.651	Sản phẩm loại 2
335	CC2	11	CC2-11.05	58,5	21.070.967	1.232.651.569	Sản phẩm loại 2
336	CC2	11	CC2-11.06	71,9	23.620.569	1.698.318.911	Sản phẩm loại 3
337	CC2	11	CC2-11.07	64,4	22.557.549	1.452.706.155	Sản phẩm loại 2
338	CC2	11	CC2-11.08	62,8	21.650.397	1.359.644.931	Sản phẩm loại 2
339	CC2	11	CC2-11.09	62,8	21.459.737	1.347.671.483	Sản phẩm loại 2
340	CC2	11	CC2-11.10	62,8	21.918.004	1.376.450.651	Sản phẩm loại 2
341	CC2	11	CC2-11.11	62,8	21.459.737	1.347.671.483	Sản phẩm loại 2
342	CC2	11	CC2-11.12	58,5	21.529.233	1.259.460.130	Sản phẩm loại 2
343	CC2	11	CC2-11.15	28,3	21.295.447	602.661.150	Sản phẩm loại 1
344	CC2	11	CC2-11.16	64,4	23.015.815	1.482.218.486	Sản phẩm loại 2
345	CC2	11	CC2-11.17	64,4	22.557.549	1.452.706.155	Sản phẩm loại 2
TẦNG 12							
346	CC2	12	CC2-12.01	62,8	21.459.737	1.347.671.483	Sản phẩm loại 2
347	CC2	12	CC2-12.02	65,0	21.205.258	1.378.341.770	Sản phẩm loại 2
348	CC2	12	CC2-12.03	62,8	21.459.737	1.347.671.483	Sản phẩm loại 2
349	CC2	12	CC2-12.04	62,8	21.918.004	1.376.450.651	Sản phẩm loại 2
350	CC2	12	CC2-12.05	58,5	21.070.967	1.232.651.569	Sản phẩm loại 2
351	CC2	12	CC2-12.06	71,9	23.620.569	1.698.318.911	Sản phẩm loại 3
352	CC2	12	CC2-12.07	64,4	22.557.549	1.452.706.155	Sản phẩm loại 2
353	CC2	12	CC2-12.08	62,8	21.650.397	1.359.644.931	Sản phẩm loại 2
354	CC2	12	CC2-12.09	62,8	21.459.737	1.347.671.483	Sản phẩm loại 2
355	CC2	12	CC2-12.10	62,8	21.918.004	1.376.450.651	Sản phẩm loại 2
356	CC2	12	CC2-12.11	62,8	21.459.737	1.347.671.483	Sản phẩm loại 2
357	CC2	12	CC2-12.12	58,5	21.529.233	1.259.460.130	Sản phẩm loại 2
358	CC2	12	CC2-12.15	28,3	21.295.447	602.661.150	Sản phẩm loại 1
359	CC2	12	CC2-12.16	64,4	23.015.815	1.482.218.486	Sản phẩm loại 2
360	CC2	12	CC2-12.17	64,4	22.557.549	1.452.706.155	Sản phẩm loại 2
TẦNG 12A							
361	CC2	12A	CC2-12A.01	62,8	20.585.004	1.292.738.251	Sản phẩm loại 2
362	CC2	12A	CC2-12A.02	65,0	20.330.525	1.321.484.125	Sản phẩm loại 2
363	CC2	12A	CC2-12A.03	62,8	20.585.004	1.292.738.251	Sản phẩm loại 2
364	CC2	12A	CC2-12A.04	62,8	21.043.270	1.321.517.356	Sản phẩm loại 2
365	CC2	12A	CC2-12A.05	58,5	20.196.234	1.181.479.689	Sản phẩm loại 2
366	CC2	12A	CC2-12A.06	71,9	22.745.836	1.635.425.608	Sản phẩm loại 3
367	CC2	12A	CC2-12A.07	64,4	21.682.816	1.396.373.350	Sản phẩm loại 2
368	CC2	12A	CC2-12A.08	62,8	20.775.664	1.304.711.699	Sản phẩm loại 2
369	CC2	12A	CC2-12A.09	62,8	20.585.004	1.292.738.251	Sản phẩm loại 2
370	CC2	12A	CC2-12A.10	62,8	21.043.270	1.321.517.356	Sản phẩm loại 2
371	CC2	12A	CC2-12A.11	62,8	20.585.004	1.292.738.251	Sản phẩm loại 2
372	CC2	12A	CC2-12A.12	58,5	20.654.500	1.208.288.250	Sản phẩm loại 2
373	CC2	12A	CC2-12A.15	28,3	20.420.714	577.906.206	Sản phẩm loại 1
374	CC2	12A	CC2-12A.16	64,4	22.141.082	1.425.885.680	Sản phẩm loại 2

STT	Tòa	Tầng	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Đơn giá bán (gồm VAT) (đồng/m ²)	Tổng GTCH (gồm VAT) (đồng)	Loại sản phẩm
375	CC2	12A	CC2-12A.17	64,4	21.682.816	1.396.373.350	Sản phẩm loại 2
TẦNG 12B							
376	CC2	12B	CC2-12B.01	62,8	20.585.004	1.292.738.251	Sản phẩm loại 2
377	CC2	12B	CC2-12B.02	65,0	20.330.525	1.321.484.125	Sản phẩm loại 2
378	CC2	12B	CC2-12B.03	62,8	20.585.004	1.292.738.251	Sản phẩm loại 2
379	CC2	12B	CC2-12B.04	62,8	21.043.270	1.321.517.356	Sản phẩm loại 2
380	CC2	12B	CC2-12B.05	58,5	20.196.234	1.181.479.689	Sản phẩm loại 2
381	CC2	12B	CC2-12B.06	71,9	22.745.836	1.635.425.608	Sản phẩm loại 3
382	CC2	12B	CC2-12B.07	64,4	21.682.816	1.396.373.350	Sản phẩm loại 2
383	CC2	12B	CC2-12B.08	62,8	20.775.664	1.304.711.699	Sản phẩm loại 2
384	CC2	12B	CC2-12B.09	62,8	20.585.004	1.292.738.251	Sản phẩm loại 2
385	CC2	12B	CC2-12B.10	62,8	21.043.270	1.321.517.356	Sản phẩm loại 2
386	CC2	12B	CC2-12B.11	62,8	20.585.004	1.292.738.251	Sản phẩm loại 2
387	CC2	12B	CC2-12B.12	58,5	20.654.500	1.208.288.250	Sản phẩm loại 2
388	CC2	12B	CC2-12B.15	28,3	20.420.714	577.906.206	Sản phẩm loại 1
389	CC2	12B	CC2-12B.16	64,4	22.141.082	1.425.885.680	Sản phẩm loại 2
390	CC2	12B	CC2-12B.17	64,4	21.682.816	1.396.373.350	Sản phẩm loại 2
TẦNG 15							
391	CC2	15	CC2-15.01	62,8	21.286.951	1.336.820.522	Sản phẩm loại 2
392	CC2	15	CC2-15.02	65,0	21.032.471	1.367.110.615	Sản phẩm loại 2
393	CC2	15	CC2-15.03	62,8	21.286.951	1.336.820.522	Sản phẩm loại 2
394	CC2	15	CC2-15.04	62,8	21.745.217	1.365.599.627	Sản phẩm loại 2
395	CC2	15	CC2-15.05	58,5	20.898.180	1.222.543.530	Sản phẩm loại 2
396	CC2	15	CC2-15.06	71,9	23.447.782	1.685.895.525	Sản phẩm loại 3
397	CC2	15	CC2-15.07	64,4	22.384.762	1.441.578.672	Sản phẩm loại 2
398	CC2	15	CC2-15.08	62,8	21.477.610	1.348.793.908	Sản phẩm loại 2
399	CC2	15	CC2-15.09	62,8	21.286.951	1.336.820.522	Sản phẩm loại 2
400	CC2	15	CC2-15.10	62,8	21.745.217	1.365.599.627	Sản phẩm loại 2
401	CC2	15	CC2-15.11	62,8	21.286.951	1.336.820.522	Sản phẩm loại 2
402	CC2	15	CC2-15.12	58,5	21.356.447	1.249.352.149	Sản phẩm loại 2
403	CC2	15	CC2-15.15	28,3	21.122.661	597.771.306	Sản phẩm loại 1
404	CC2	15	CC2-15.16	64,4	22.843.028	1.471.091.003	Sản phẩm loại 2
405	CC2	15	CC2-15.17	64,4	22.384.762	1.441.578.672	Sản phẩm loại 2
TẦNG 16							
406	CC2	16	CC2-16.01	62,8	21.070.967	1.323.256.727	Sản phẩm loại 2
407	CC2	16	CC2-16.02	65,0	20.816.488	1.353.071.720	Sản phẩm loại 2
408	CC2	16	CC2-16.03	62,8	21.070.967	1.323.256.727	Sản phẩm loại 2
409	CC2	16	CC2-16.04	62,8	21.529.233	1.352.035.832	Sản phẩm loại 2
410	CC2	16	CC2-16.05	58,5	20.682.197	1.209.908.524	Sản phẩm loại 2
411	CC2	16	CC2-16.06	71,9	23.231.799	1.670.366.348	Sản phẩm loại 3
412	CC2	16	CC2-16.07	64,4	22.168.779	1.427.669.367	Sản phẩm loại 2
413	CC2	16	CC2-16.08	62,8	21.261.627	1.335.230.175	Sản phẩm loại 2
414	CC2	16	CC2-16.09	62,8	21.070.967	1.323.256.727	Sản phẩm loại 2
415	CC2	16	CC2-16.10	62,8	21.529.233	1.352.035.832	Sản phẩm loại 2
416	CC2	16	CC2-16.11	62,8	21.070.967	1.323.256.727	Sản phẩm loại 2

STT	Tòa	Tầng	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Đơn giá bán (gồm VAT) (đồng/m ²)	Tổng GTCH (gồm VAT) (đồng)	Loại sản phẩm
417	CC2	16	CC2-16.12	58,5	21.140.463	1.236.717.085	Sản phẩm loại 2
418	CC2	16	CC2-16.15	28,3	20.906.677	591.658.959	Sản phẩm loại 1
419	CC2	16	CC2-16.16	64,4	22.627.045	1.457.181.698	Sản phẩm loại 2
420	CC2	16	CC2-16.17	64,4	22.168.779	1.427.669.367	Sản phẩm loại 2
TÒA CC3							
TẦNG 3							
421	CC3	3	CC3-3.01	62,8	20.440.890	1.283.687.892	Sản phẩm loại 2
422	CC3	3	CC3-3.02	62,8	21.464.438	1.347.966.706	Sản phẩm loại 2
423	CC3	3	CC3-3.03	62,8	20.708.496	1.300.493.548	Sản phẩm loại 2
424	CC3	3	CC3-3.04	58,5	21.075.668	1.232.926.578	Sản phẩm loại 2
425	CC3	3	CC3-3.05	58,5	20.319.726	1.188.703.971	Sản phẩm loại 2
426	CC3	3	CC3-3.06	62,8	21.464.438	1.347.966.706	Sản phẩm loại 2
427	CC3	3	CC3-3.07	28,3	20.544.206	581.401.029	Sản phẩm loại 1
428	CC3	3	CC3-3.08	64,4	22.562.250	1.453.008.900	Sản phẩm loại 2
429	CC3	3	CC3-3.09	64,4	21.806.308	1.404.326.235	Sản phẩm loại 2
430	CC3	3	CC3-3.10	62,8	21.464.438	1.347.966.706	Sản phẩm loại 2
431	CC3	3	CC3-3.11	60,5	19.606.980	1.186.222.290	Sản phẩm loại 2
432	CC3	3	CC3-3.12	62,8	21.464.438	1.347.966.706	Sản phẩm loại 2
433	CC3	3	CC3-3.15	62,8	20.708.496	1.300.493.548	Sản phẩm loại 2
434	CC3	3	CC3-3.16	62,8	21.464.438	1.347.966.706	Sản phẩm loại 2
435	CC3	3	CC3-3.17	62,8	20.708.496	1.300.493.548	Sản phẩm loại 2
436	CC3	3	CC3-3.18	71,9	23.167.004	1.665.707.587	Sản phẩm loại 3
437	CC3	3	CC3-3.19	71,9	22.411.061	1.611.355.285	Sản phẩm loại 3
TẦNG 4							
438	CC3	4	CC3-4.01	62,8	20.440.890	1.283.687.892	Sản phẩm loại 2
439	CC3	4	CC3-4.02	62,8	21.464.438	1.347.966.706	Sản phẩm loại 2
440	CC3	4	CC3-4.03	62,8	20.708.496	1.300.493.548	Sản phẩm loại 2
441	CC3	4	CC3-4.04	58,5	21.075.668	1.232.926.578	Sản phẩm loại 2
442	CC3	4	CC3-4.05	58,5	20.319.726	1.188.703.971	Sản phẩm loại 2
443	CC3	4	CC3-4.06	62,8	21.464.438	1.347.966.706	Sản phẩm loại 2
444	CC3	4	CC3-4.07	28,3	20.544.206	581.401.029	Sản phẩm loại 1
445	CC3	4	CC3-4.08	64,4	22.562.250	1.453.008.900	Sản phẩm loại 2
446	CC3	4	CC3-4.09	64,4	21.806.308	1.404.326.235	Sản phẩm loại 2
447	CC3	4	CC3-4.10	62,8	21.464.438	1.347.966.706	Sản phẩm loại 2
448	CC3	4	CC3-4.11	60,5	19.606.980	1.186.222.290	Sản phẩm loại 2
449	CC3	4	CC3-4.12	62,8	21.464.438	1.347.966.706	Sản phẩm loại 2
450	CC3	4	CC3-4.15	62,8	20.708.496	1.300.493.548	Sản phẩm loại 2
451	CC3	4	CC3-4.16	62,8	21.464.438	1.347.966.706	Sản phẩm loại 2
452	CC3	4	CC3-4.17	62,8	20.708.496	1.300.493.548	Sản phẩm loại 2
453	CC3	4	CC3-4.18	71,9	23.167.004	1.665.707.587	Sản phẩm loại 3
454	CC3	4	CC3-4.19	71,9	22.411.061	1.611.355.285	Sản phẩm loại 3
TẦNG 5							
455	CC3	5	CC3-5.01	62,8	20.656.873	1.297.251.624	Sản phẩm loại 2
456	CC3	5	CC3-5.02	62,8	21.680.422	1.361.530.501	Sản phẩm loại 2
457	CC3	5	CC3-5.03	62,8	20.924.480	1.314.057.344	Sản phẩm loại 2

STT	Tòa	Tầng	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Đơn giá bán (gồm VAT) (đồng/m ²)	Tổng GTCH (gồm VAT) (đồng)	Loại sản phẩm
458	CC3	5	CC3-5.04	58,5	21.291.651	1.245.561.583	Sản phẩm loại 2
459	CC3	5	CC3-5.05	58,5	20.535.709	1.201.338.976	Sản phẩm loại 2
460	CC3	5	CC3-5.06	62,8	21.680.422	1.361.530.501	Sản phẩm loại 2
461	CC3	5	CC3-5.07	28,3	20.760.190	587.513.377	Sản phẩm loại 1
462	CC3	5	CC3-5.08	64,4	22.778.233	1.466.918.205	Sản phẩm loại 2
463	CC3	5	CC3-5.09	64,4	22.022.291	1.418.235.540	Sản phẩm loại 2
464	CC3	5	CC3-5.10	62,8	21.680.422	1.361.530.501	Sản phẩm loại 2
465	CC3	5	CC3-5.11	60,5	19.822.964	1.199.289.322	Sản phẩm loại 2
466	CC3	5	CC3-5.12	62,8	21.680.422	1.361.530.501	Sản phẩm loại 2
467	CC3	5	CC3-5.15	62,8	20.924.480	1.314.057.344	Sản phẩm loại 2
468	CC3	5	CC3-5.16	62,8	21.680.422	1.361.530.501	Sản phẩm loại 2
469	CC3	5	CC3-5.17	62,8	20.924.480	1.314.057.344	Sản phẩm loại 2
470	CC3	5	CC3-5.18	71,9	23.382.987	1.681.236.765	Sản phẩm loại 3
471	CC3	5	CC3-5.19	71,9	22.627.045	1.626.884.535	Sản phẩm loại 3
TẦNG 6							
472	CC3	6	CC3-6.01	62,8	20.872.857	1.310.815.419	Sản phẩm loại 2
473	CC3	6	CC3-6.02	62,8	21.896.405	1.375.094.234	Sản phẩm loại 2
474	CC3	6	CC3-6.03	62,8	21.140.463	1.327.621.076	Sản phẩm loại 2
475	CC3	6	CC3-6.04	58,5	21.507.635	1.258.196.647	Sản phẩm loại 2
476	CC3	6	CC3-6.05	58,5	20.751.693	1.213.974.040	Sản phẩm loại 2
477	CC3	6	CC3-6.06	62,8	21.896.405	1.375.094.234	Sản phẩm loại 2
478	CC3	6	CC3-6.07	28,3	20.976.173	593.625.695	Sản phẩm loại 1
479	CC3	6	CC3-6.08	64,4	22.994.217	1.480.827.574	Sản phẩm loại 2
480	CC3	6	CC3-6.09	64,4	22.238.275	1.432.144.910	Sản phẩm loại 2
481	CC3	6	CC3-6.10	62,8	21.896.405	1.375.094.234	Sản phẩm loại 2
482	CC3	6	CC3-6.11	60,5	20.038.947	1.212.356.293	Sản phẩm loại 2
483	CC3	6	CC3-6.12	62,8	21.896.405	1.375.094.234	Sản phẩm loại 2
484	CC3	6	CC3-6.15	62,8	21.140.463	1.327.621.076	Sản phẩm loại 2
485	CC3	6	CC3-6.16	62,8	21.896.405	1.375.094.234	Sản phẩm loại 2
486	CC3	6	CC3-6.17	62,8	21.140.463	1.327.621.076	Sản phẩm loại 2
487	CC3	6	CC3-6.18	71,9	23.598.971	1.696.766.014	Sản phẩm loại 3
488	CC3	6	CC3-6.19	71,9	22.843.028	1.642.413.713	Sản phẩm loại 3
TẦNG 7							
489	CC3	7	CC3-7.01	62,8	20.764.865	1.304.033.522	Sản phẩm loại 2
490	CC3	7	CC3-7.02	62,8	21.788.413	1.368.312.336	Sản phẩm loại 2
491	CC3	7	CC3-7.03	62,8	21.032.471	1.320.839.178	Sản phẩm loại 2
492	CC3	7	CC3-7.04	58,5	21.399.643	1.251.879.115	Sản phẩm loại 2
493	CC3	7	CC3-7.05	58,5	20.643.701	1.207.656.508	Sản phẩm loại 2
494	CC3	7	CC3-7.06	62,8	21.788.413	1.368.312.336	Sản phẩm loại 2
495	CC3	7	CC3-7.07	28,3	20.868.181	590.569.522	Sản phẩm loại 1
496	CC3	7	CC3-7.08	64,4	22.886.225	1.473.872.890	Sản phẩm loại 2
497	CC3	7	CC3-7.09	64,4	22.130.283	1.425.190.225	Sản phẩm loại 2
498	CC3	7	CC3-7.10	62,8	21.788.413	1.368.312.336	Sản phẩm loại 2
499	CC3	7	CC3-7.11	60,5	19.930.956	1.205.822.838	Sản phẩm loại 2
500	CC3	7	CC3-7.12	62,8	21.788.413	1.368.312.336	Sản phẩm loại 2

STT	Tòa	Tầng	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Đơn giá bán (gồm VAT) (đồng/m ²)	Tổng GTCH (gồm VAT) (đồng)	Loại sản phẩm
501	CC3	7	CC3-7.15	62,8	21.032.471	1.320.839.178	Sản phẩm loại 2
502	CC3	7	CC3-7.16	62,8	21.788.413	1.368.312.336	Sản phẩm loại 2
503	CC3	7	CC3-7.17	62,8	21.032.471	1.320.839.178	Sản phẩm loại 2
504	CC3	7	CC3-7.18	71,9	23.490.979	1.689.001.390	Sản phẩm loại 3
505	CC3	7	CC3-7.19	71,9	22.735.037	1.634.649.160	Sản phẩm loại 3
TẦNG 8							
506	CC3	8	CC3-8.01	62,8	21.261.627	1.335.230.175	Sản phẩm loại 2
507	CC3	8	CC3-8.02	62,8	22.285.175	1.399.508.990	Sản phẩm loại 2
508	CC3	8	CC3-8.03	62,8	21.529.233	1.352.035.832	Sản phẩm loại 2
509	CC3	8	CC3-8.04	58,5	21.896.405	1.280.939.692	Sản phẩm loại 2
510	CC3	8	CC3-8.05	58,5	21.140.463	1.236.717.085	Sản phẩm loại 2
511	CC3	8	CC3-8.06	62,8	22.285.175	1.399.508.990	Sản phẩm loại 2
512	CC3	8	CC3-8.07	28,3	21.364.943	604.627.886	Sản phẩm loại 1
513	CC3	8	CC3-8.08	64,4	23.382.987	1.505.864.362	Sản phẩm loại 2
514	CC3	8	CC3-8.09	64,4	22.627.045	1.457.181.698	Sản phẩm loại 2
515	CC3	8	CC3-8.10	62,8	22.285.175	1.399.508.990	Sản phẩm loại 2
516	CC3	8	CC3-8.11	60,5	20.427.718	1.235.876.939	Sản phẩm loại 2
517	CC3	8	CC3-8.12	62,8	22.285.175	1.399.508.990	Sản phẩm loại 2
518	CC3	8	CC3-8.15	62,8	21.529.233	1.352.035.832	Sản phẩm loại 2
519	CC3	8	CC3-8.16	62,8	22.285.175	1.399.508.990	Sản phẩm loại 2
520	CC3	8	CC3-8.17	62,8	21.529.233	1.352.035.832	Sản phẩm loại 2
521	CC3	8	CC3-8.18	71,9	23.987.741	1.724.718.577	Sản phẩm loại 3
522	CC3	8	CC3-8.19	71,9	23.231.799	1.670.366.348	Sản phẩm loại 3
TẦNG 9							
523	CC3	9	CC3-9.01	62,8	21.261.627	1.335.230.175	Sản phẩm loại 2
524	CC3	9	CC3-9.02	62,8	22.285.175	1.399.508.990	Sản phẩm loại 2
525	CC3	9	CC3-9.03	62,8	21.529.233	1.352.035.832	Sản phẩm loại 2
526	CC3	9	CC3-9.04	58,5	21.896.405	1.280.939.692	Sản phẩm loại 2
527	CC3	9	CC3-9.05	58,5	21.140.463	1.236.717.085	Sản phẩm loại 2
528	CC3	9	CC3-9.06	62,8	22.285.175	1.399.508.990	Sản phẩm loại 2
529	CC3	9	CC3-9.07	28,3	21.364.943	604.627.886	Sản phẩm loại 1
530	CC3	9	CC3-9.08	64,4	23.382.987	1.505.864.362	Sản phẩm loại 2
531	CC3	9	CC3-9.09	64,4	22.627.045	1.457.181.698	Sản phẩm loại 2
532	CC3	9	CC3-9.10	62,8	22.285.175	1.399.508.990	Sản phẩm loại 2
533	CC3	9	CC3-9.11	60,5	20.427.718	1.235.876.939	Sản phẩm loại 2
534	CC3	9	CC3-9.12	62,8	22.285.175	1.399.508.990	Sản phẩm loại 2
535	CC3	9	CC3-9.15	62,8	21.529.233	1.352.035.832	Sản phẩm loại 2
536	CC3	9	CC3-9.16	62,8	22.285.175	1.399.508.990	Sản phẩm loại 2
537	CC3	9	CC3-9.17	62,8	21.529.233	1.352.035.832	Sản phẩm loại 2
538	CC3	9	CC3-9.18	71,9	23.987.741	1.724.718.577	Sản phẩm loại 3
539	CC3	9	CC3-9.19	71,9	23.231.799	1.670.366.348	Sản phẩm loại 3
TẦNG 10							
540	CC3	10	CC3-10.01	62,8	21.261.627	1.335.230.175	Sản phẩm loại 2
541	CC3	10	CC3-10.02	62,8	22.285.175	1.399.508.990	Sản phẩm loại 2
542	CC3	10	CC3-10.03	62,8	21.529.233	1.352.035.832	Sản phẩm loại 2

STT	Tòa	Tầng	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Đơn giá bán (gồm VAT) (đồng/m ²)	Tổng GTCH (gồm VAT) (đồng)	Loại sản phẩm
543	CC3	10	CC3-10.04	58,5	21.896.405	1.280.939.692	Sản phẩm loại 2
544	CC3	10	CC3-10.05	58,5	21.140.463	1.236.717.085	Sản phẩm loại 2
545	CC3	10	CC3-10.06	62,8	22.285.175	1.399.508.990	Sản phẩm loại 2
546	CC3	10	CC3-10.07	28,3	21.364.943	604.627.886	Sản phẩm loại 1
547	CC3	10	CC3-10.08	64,4	23.382.987	1.505.864.362	Sản phẩm loại 2
548	CC3	10	CC3-10.09	64,4	22.627.045	1.457.181.698	Sản phẩm loại 2
549	CC3	10	CC3-10.10	62,8	22.285.175	1.399.508.990	Sản phẩm loại 2
550	CC3	10	CC3-10.11	60,5	20.427.718	1.235.876.939	Sản phẩm loại 2
551	CC3	10	CC3-10.12	62,8	22.285.175	1.399.508.990	Sản phẩm loại 2
552	CC3	10	CC3-10.15	62,8	21.529.233	1.352.035.832	Sản phẩm loại 2
553	CC3	10	CC3-10.16	62,8	22.285.175	1.399.508.990	Sản phẩm loại 2
554	CC3	10	CC3-10.17	62,8	21.529.233	1.352.035.832	Sản phẩm loại 2
555	CC3	10	CC3-10.18	71,9	23.987.741	1.724.718.577	Sản phẩm loại 3
556	CC3	10	CC3-10.19	71,9	23.231.799	1.670.366.348	Sản phẩm loại 3
TẦNG 11							
557	CC3	11	CC3-11.01	62,8	21.261.627	1.335.230.175	Sản phẩm loại 2
558	CC3	11	CC3-11.02	62,8	22.285.175	1.399.508.990	Sản phẩm loại 2
559	CC3	11	CC3-11.03	62,8	21.529.233	1.352.035.832	Sản phẩm loại 2
560	CC3	11	CC3-11.04	58,5	21.896.405	1.280.939.692	Sản phẩm loại 2
561	CC3	11	CC3-11.05	58,5	21.140.463	1.236.717.085	Sản phẩm loại 2
562	CC3	11	CC3-11.06	62,8	22.285.175	1.399.508.990	Sản phẩm loại 2
563	CC3	11	CC3-11.07	28,3	21.364.943	604.627.886	Sản phẩm loại 1
564	CC3	11	CC3-11.08	64,4	23.382.987	1.505.864.362	Sản phẩm loại 2
565	CC3	11	CC3-11.09	64,4	22.627.045	1.457.181.698	Sản phẩm loại 2
566	CC3	11	CC3-11.10	62,8	22.285.175	1.399.508.990	Sản phẩm loại 2
567	CC3	11	CC3-11.11	60,5	20.427.718	1.235.876.939	Sản phẩm loại 2
568	CC3	11	CC3-11.12	62,8	22.285.175	1.399.508.990	Sản phẩm loại 2
569	CC3	11	CC3-11.15	62,8	21.529.233	1.352.035.832	Sản phẩm loại 2
570	CC3	11	CC3-11.16	62,8	22.285.175	1.399.508.990	Sản phẩm loại 2
571	CC3	11	CC3-11.17	62,8	21.529.233	1.352.035.832	Sản phẩm loại 2
572	CC3	11	CC3-11.18	71,9	23.987.741	1.724.718.577	Sản phẩm loại 3
573	CC3	11	CC3-11.19	71,9	23.231.799	1.670.366.348	Sản phẩm loại 3
TẦNG 12							
574	CC3	12	CC3-12.01	62,8	21.261.627	1.335.230.175	Sản phẩm loại 2
575	CC3	12	CC3-12.02	62,8	22.285.175	1.399.508.990	Sản phẩm loại 2
576	CC3	12	CC3-12.03	62,8	21.529.233	1.352.035.832	Sản phẩm loại 2
577	CC3	12	CC3-12.04	58,5	21.896.405	1.280.939.692	Sản phẩm loại 2
578	CC3	12	CC3-12.05	58,5	21.140.463	1.236.717.085	Sản phẩm loại 2
579	CC3	12	CC3-12.06	62,8	22.285.175	1.399.508.990	Sản phẩm loại 2
580	CC3	12	CC3-12.07	28,3	21.364.943	604.627.886	Sản phẩm loại 1
581	CC3	12	CC3-12.08	64,4	23.382.987	1.505.864.362	Sản phẩm loại 2
582	CC3	12	CC3-12.09	64,4	22.627.045	1.457.181.698	Sản phẩm loại 2
583	CC3	12	CC3-12.10	62,8	22.285.175	1.399.508.990	Sản phẩm loại 2
584	CC3	12	CC3-12.11	60,5	20.427.718	1.235.876.939	Sản phẩm loại 2
585	CC3	12	CC3-12.12	62,8	22.285.175	1.399.508.990	Sản phẩm loại 2

STT	Tòa	Tầng	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Đơn giá bán (gồm VAT) (đồng/m ²)	Tổng GTCH (gồm VAT) (đồng)	Loại sản phẩm
586	CC3	12	CC3-12.15	62,8	21.529.233	1.352.035.832	Sản phẩm loại 2
587	CC3	12	CC3-12.16	62,8	22.285.175	1.399.508.990	Sản phẩm loại 2
588	CC3	12	CC3-12.17	62,8	21.529.233	1.352.035.832	Sản phẩm loại 2
589	CC3	12	CC3-12.18	71,9	23.987.741	1.724.718.577	Sản phẩm loại 3
590	CC3	12	CC3-12.19	71,9	23.231.799	1.670.366.348	Sản phẩm loại 3
TẦNG 12A							
591	CC3	12A	CC3-12A.01	62,8	20.386.894	1.280.296.943	Sản phẩm loại 2
592	CC3	12A	CC3-12A.02	62,8	21.410.442	1.344.575.757	Sản phẩm loại 2
593	CC3	12A	CC3-12A.03	62,8	20.654.500	1.297.102.600	Sản phẩm loại 2
594	CC3	12A	CC3-12A.04	58,5	21.021.672	1.229.767.812	Sản phẩm loại 2
595	CC3	12A	CC3-12A.05	58,5	20.265.730	1.185.545.205	Sản phẩm loại 2
596	CC3	12A	CC3-12A.06	62,8	21.410.442	1.344.575.757	Sản phẩm loại 2
597	CC3	12A	CC3-12A.07	28,3	20.490.210	579.872.943	Sản phẩm loại 1
598	CC3	12A	CC3-12A.08	64,4	22.508.254	1.449.531.557	Sản phẩm loại 2
599	CC3	12A	CC3-12A.09	64,4	21.752.312	1.400.848.892	Sản phẩm loại 2
600	CC3	12A	CC3-12A.10	62,8	21.410.442	1.344.575.757	Sản phẩm loại 2
601	CC3	12A	CC3-12A.11	60,5	19.552.984	1.182.955.532	Sản phẩm loại 2
602	CC3	12A	CC3-12A.12	62,8	21.410.442	1.344.575.757	Sản phẩm loại 2
603	CC3	12A	CC3-12A.15	62,8	20.654.500	1.297.102.600	Sản phẩm loại 2
604	CC3	12A	CC3-12A.16	62,8	21.410.442	1.344.575.757	Sản phẩm loại 2
605	CC3	12A	CC3-12A.17	62,8	20.654.500	1.297.102.600	Sản phẩm loại 2
606	CC3	12A	CC3-12A.18	71,9	23.113.008	1.661.825.275	Sản phẩm loại 3
607	CC3	12A	CC3-12A.19	71,9	22.357.066	1.607.473.045	Sản phẩm loại 3
TẦNG 12B							
608	CC3	12B	CC3-12B.01	62,8	20.386.894	1.280.296.943	Sản phẩm loại 2
609	CC3	12B	CC3-12B.02	62,8	21.410.442	1.344.575.757	Sản phẩm loại 2
610	CC3	12B	CC3-12B.03	62,8	20.654.500	1.297.102.600	Sản phẩm loại 2
611	CC3	12B	CC3-12B.04	58,5	21.021.672	1.229.767.812	Sản phẩm loại 2
612	CC3	12B	CC3-12B.05	58,5	20.265.730	1.185.545.205	Sản phẩm loại 2
613	CC3	12B	CC3-12B.06	62,8	21.410.442	1.344.575.757	Sản phẩm loại 2
614	CC3	12B	CC3-12B.07	28,3	20.490.210	579.872.943	Sản phẩm loại 1
615	CC3	12B	CC3-12B.08	64,4	22.508.254	1.449.531.557	Sản phẩm loại 2
616	CC3	12B	CC3-12B.09	64,4	21.752.312	1.400.848.892	Sản phẩm loại 2
617	CC3	12B	CC3-12B.10	62,8	21.410.442	1.344.575.757	Sản phẩm loại 2
618	CC3	12B	CC3-12B.11	60,5	19.552.984	1.182.955.532	Sản phẩm loại 2
619	CC3	12B	CC3-12B.12	62,8	21.410.442	1.344.575.757	Sản phẩm loại 2
620	CC3	12B	CC3-12B.15	62,8	20.654.500	1.297.102.600	Sản phẩm loại 2
621	CC3	12B	CC3-12B.16	62,8	21.410.442	1.344.575.757	Sản phẩm loại 2
622	CC3	12B	CC3-12B.17	62,8	20.654.500	1.297.102.600	Sản phẩm loại 2
623	CC3	12B	CC3-12B.18	71,9	23.113.008	1.661.825.275	Sản phẩm loại 3
624	CC3	12B	CC3-12B.19	71,9	22.357.066	1.607.473.045	Sản phẩm loại 3
TẦNG 15							
625	CC3	15	CC3-15.01	62,8	21.088.840	1.324.379.152	Sản phẩm loại 2
626	CC3	15	CC3-15.02	62,8	22.112.389	1.388.658.029	Sản phẩm loại 2
627	CC3	15	CC3-15.03	62,8	21.356.447	1.341.184.871	Sản phẩm loại 2

STT	Tòa	Tầng	Mã căn	Diện tích thông thủy (m ²)	Đơn giá bán (gồm VAT) (đồng/m ²)	Tổng GTCH (gồm VAT) (đồng)	Loại sản phẩm
628	CC3	15	CC3-15.04	58,5	21.723.618	1.270.831.653	Sản phẩm loại 2
629	CC3	15	CC3-15.05	58,5	20.967.676	1.226.609.046	Sản phẩm loại 2
630	CC3	15	CC3-15.06	62,8	22.112.389	1.388.658.029	Sản phẩm loại 2
631	CC3	15	CC3-15.07	28,3	21.192.157	599.738.043	Sản phẩm loại 1
632	CC3	15	CC3-15.08	64,4	23.210.200	1.494.736.880	Sản phẩm loại 2
633	CC3	15	CC3-15.09	64,4	22.454.258	1.446.054.215	Sản phẩm loại 2
634	CC3	15	CC3-15.10	62,8	22.112.389	1.388.658.029	Sản phẩm loại 2
635	CC3	15	CC3-15.11	60,5	20.254.931	1.225.423.325	Sản phẩm loại 2
636	CC3	15	CC3-15.12	62,8	22.112.389	1.388.658.029	Sản phẩm loại 2
637	CC3	15	CC3-15.15	62,8	21.356.447	1.341.184.871	Sản phẩm loại 2
638	CC3	15	CC3-15.16	62,8	22.112.389	1.388.658.029	Sản phẩm loại 2
639	CC3	15	CC3-15.17	62,8	21.356.447	1.341.184.871	Sản phẩm loại 2
640	CC3	15	CC3-15.18	71,9	23.814.954	1.712.295.192	Sản phẩm loại 3
641	CC3	15	CC3-15.19	71,9	23.059.012	1.657.942.962	Sản phẩm loại 3
TẦNG 16							
642	CC3	16	CC3-16.01	62,8	20.872.857	1.310.815.419	Sản phẩm loại 2
643	CC3	16	CC3-16.02	62,8	21.896.405	1.375.094.234	Sản phẩm loại 2
644	CC3	16	CC3-16.03	62,8	21.140.463	1.327.621.076	Sản phẩm loại 2
645	CC3	16	CC3-16.04	58,5	21.507.635	1.258.196.647	Sản phẩm loại 2
646	CC3	16	CC3-16.05	58,5	20.751.693	1.213.974.040	Sản phẩm loại 2
647	CC3	16	CC3-16.06	62,8	21.896.405	1.375.094.234	Sản phẩm loại 2
648	CC3	16	CC3-16.07	28,3	20.976.173	593.625.695	Sản phẩm loại 1
649	CC3	16	CC3-16.08	64,4	22.994.217	1.480.827.574	Sản phẩm loại 2
650	CC3	16	CC3-16.09	64,4	22.238.275	1.432.144.910	Sản phẩm loại 2
651	CC3	16	CC3-16.10	62,8	21.896.405	1.375.094.234	Sản phẩm loại 2
652	CC3	16	CC3-16.11	60,5	20.038.947	1.212.356.293	Sản phẩm loại 2
653	CC3	16	CC3-16.12	62,8	21.896.405	1.375.094.234	Sản phẩm loại 2
654	CC3	16	CC3-16.15	62,8	21.140.463	1.327.621.076	Sản phẩm loại 2
655	CC3	16	CC3-16.16	62,8	21.896.405	1.375.094.234	Sản phẩm loại 2
656	CC3	16	CC3-16.17	62,8	21.140.463	1.327.621.076	Sản phẩm loại 2
657	CC3	16	CC3-16.18	71,9	23.598.971	1.696.766.014	Sản phẩm loại 3
658	CC3	16	CC3-16.19	71,9	22.843.028	1.642.413.713	Sản phẩm loại 3